

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/8/ 2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô văn Cơ

2. Bà Lâm Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐSDS ngày 02/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Mỹ Ng (tên gọi khác là Ph)**, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 46, đường Ngô Quyền, ấp X, thị trấn M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
(có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Tăng Minh Th**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 284, đường Ngô Quyền, ấp X, thị trấn M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp S, xã Y, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2019, biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2019 và tại phiên tòa chị Trần Mỹ Ng trình bày như sau: Chị Trần Mỹ Ng và anh Tăng Minh Th hai người chung sống với nhau vào năm 2012, đến 2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân thị trấn M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyền số 01/2015 cấp ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Quá trình sống chung chị Trần Mỹ Ng và anh Tăng Minh Th có với nhau một người con chung là cháu Tăng Thị Ngọc H, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2012, hiện con đang sống chung với chị Ng.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Trần Mỹ Ng xác định không có.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì giữa hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường cãi vã nhau do chị và anh Th tính tình không hợp, không đồng quan điểm, nguyên nhân chính do anh Th không quan tâm lo lắng cho gia đình, anh Th bỏ nhà đi không lo làm ăn và trong xử sự với nhau anh Th thường xuyên dùng lời lẽ thô tục đối với chị, không quan tâm gì đến vợ, con dẫn đến vợ chồng sống không hạnh phúc nên giữa chị và anh Th sống ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân thì vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại.

Tại phiên tòa chị Trần Mỹ Ng yêu cầu được ly hôn với anh Tăng Minh Th. Về con chung, chị Ng yêu cầu được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Tăng Thị Ngọc H, sinh ngày 22/12/2012 đến tuổi trưởng thành và chị Ng không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ng thì anh Th đã được Tòa án nhân dân huyện T đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Th đến Tòa án để hòa giải, nhưng anh Th không đến và không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ng, cũng như không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án nên không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của anh Th đối với yêu cầu khởi kiện của chị Ng được. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Ng cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ng đối với anh Th. Về con chung, giao cháu Tăng Thị Ngọc H, sinh ngày 22/12/2012 cho chị Ng tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ng không có yêu cầu; anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị Ng phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Mỹ Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Tăng Minh Th và hiện nay anh Th cư trú tại ấp X, thị trấn M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Tăng Minh Th đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Th vắng mặt nên vụ án không hòa giải được phải đưa ra xét xử. Anh Th đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng anh Th vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Tăng Minh Th.

[2] Về nội dung: Chị Trần Mỹ Ng và anh Tăng Minh Th chung sống với nhau vào năm 2012 đến năm 2015 chị Ng và anh Th mới làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyền số 01/2015 cấp ngày 27 tháng 4 năm 2015 nên hôn nhân của chị Trần Mỹ Ng và anh Tăng Minh Th được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của chị Trần Mỹ Ng, Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi kết hôn chị Ng và anh Th sống hạnh phúc được một thời gian khá lâu thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong giao tiếp hàng ngày anh Th xử sự thiếu tôn trọng với vợ thường dùng những lời lẽ thô tục đối với chị Ng, trong cuộc sống anh Th thiếu quan tâm chăm lo gia đình thường bỏ nhà đi không quan tâm đến đời sống của vợ con, từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã với nhau nên vợ chồng sống không thể hạnh phúc và chị sống ly thân với anh Th từ tháng 9/2018 đến nay. Cũng như trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Th biết được việc chị Ng yêu cầu ly hôn đối với anh Th, nhưng anh Th không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh Th không đến Tòa án để tham gia phiên hòa

giải, tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng trở lại. Từ nhận định trên Hội đồng xét xử thấy rằng chị Ng và anh Th hai người có thời gian sống ly thân cũng lâu từ tháng 9/2018 đến nay, hai người không còn quan hệ tới lui chăm sóc cho nhau nữa thể hiện tình cảm vợ chồng thật sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đến mức trầm trọng nên tại phiên tòa chị Ng yêu cầu ly hôn với anh Th là cần thiết, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Trần Mỹ Ng đối với anh Tăng Minh Th là có căn cứ đúng pháp luật.

[4] Về con chung, chị Trần Mỹ Ng yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Tăng Thị Ngọc H, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2012 đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, cháu Tăng Thị Ngọc H hiện đang sống chung với chị Ng từ khi chị Ng và anh Th sống ly thân đến nay và hiện tại cuộc sống của cháu H cũng ổn định đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập của cháu, nên không nhất thiết thay đổi môi trường sinh sống của cháu H. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị Ng là có căn cứ. Giao cháu Tăng Thị Ngọc H, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2012 cho chị Ng tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp đúng pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chị Ng không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ng xác định chị và anh Th không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Anh Th không thể hiện có tranh chấp và yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Ng phải nộp 300.000 đồng; chị Ng đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005539 ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa, như đã nêu trên, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy

ban thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Mỹ Ng đối với anh Tăng Minh Th. Cho chị Trần Mỹ Ng được ly hôn anh Tăng Minh Th.

2. Về con chung: Giao cháu Tăng Thị Ngọc H, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2012 cho chị Trần Mỹ Ng tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi trưởng thành.

Anh Tăng Minh Th không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Ng không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Anh Tăng Minh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Ng phải nộp 300.000 đồng; chị Ng đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005539 ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND thị trấn M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Út

